TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **22**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 10 tháng 5 năm 2019
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trịnh Thị Quyên

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Huy Giáp và ông Doãn Đức Hùng

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Phan Thị Hồng Phúc - Thư ký Tòa án.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà:*** Ông Cao Văn Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ L số: 96/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2019/QĐXXST - HNGĐ, ngày 10 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị L, sinh năm 1989. Trú tại: Số 04/1, ấp h, xã đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (*Có mặt*)

- *Bị đơn*: Anh Võ Nguyễn Thế A, sinh năm 1988. HKTT: Số 04/1, ấp H, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Hiện đang điều trị cai nghiện ma túy tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Ninh Thuận. Địa chỉ: Xã L, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (*Xin vắng mặt*);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày:

Chị và anh Võ Nguyễn Thế A tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 14/8/2009.

Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau. Anh Thế A không chăm lo kinh tế gia đình, thường xuyên tụ tập bạn bè chơi bời, dẫn đến nghiện ma túy đã nhiều năm nay, gia đình đưa đi cai nghiện bắt buộc nhiều lần nhưng vẫn không thể cai nghiện được. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau, tình cảm của chị dành cho anh Thế A

không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Thế A.

Về con chung: có 01 con chung là cháu: Võ Anh K, sinh ngày 21/8/2010. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con, tạm thời chị không yêu cầu anh Thế A đóng góp cho chị tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không tranh chấp. Chị cam kết vợ chồng không có nợ chung.

Ngoài ra chị không có yêu cầu nào khác.

- Bị đơn anh Võ Nguyễn Thế A trình bày: Anh và chị Trần Thị L tự nguyện kết hôn, đã được UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/8/2009 như chị L trình bày là đúng.

Anh thừa nhận thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó do anh ham chơi, nghiện ma túy và đã đi cai nghiện nhiều lần nhưng không hết được, do vậy vợ chồng xảy ra xung đột, cải vã và cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nữa. Nay chị L yêu cầu ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh và chị Trần Thị L có 01 con chung là cháu: Võ Anh K, sinh ngày 21/8/2010. Khi ly hôn anh đồng ý giao con cho chị L nuôi dưỡng, tạm thời anh không đóng góp cho chị L tiền cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh cam kết vợ chồng không có nợ chung.

Vì do anh đang điều trị cai nghiện ma túy tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Ninh Thuận nên không thể đến Tòa án làm việc được, anh đề nghị Tòa án, giải quyết, xét xử vắng mặt anh.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phát biểu ý kiến:

+*Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng;

+ *Về đường lối giải quyết vụ án*: Đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị L, cho chị L được ly hôn với anh Võ Nguyễn Thế A; về con chung: Đề nghị Tòa giao cháu Võ Anh K, sinh ngày 21/8/2010 cho chị L nuôi dưỡng, do chị L không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về tố tụng dân sự*:** Chị Trần Thị L khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" đối với bị đơn là anh Võ Nguyễn Thế A, trú tại: ấp H, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai, vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn,

tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Mặt khác, anh Võ Nguyễn Thế A vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh A là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] ***Về nội dung vụ án*****:**

2.1. Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị L và anh Võ Nguyễn Thế A là hợp pháp, vì kết hôn tự nguyện, được UBND có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn, không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn theo đúng quy định tại Điều 9, 10 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên được pháp luật bảo vệ.

2.2 Xét yêu cầu xin ly hôn của chị L thì thấy: Trong suốt quá trình chuẩn bị xét xử các đương sự đều thừa nhận cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, không có sự đồng cảm, chia sẻ, quan tâm, chăm sóc đến nhau, những mâu thuẫn của chị L và anh A không thể hàn gắn, vợ chồng ít có thời gian bên nhau vì anh Anh thường xuyên phải đi cai nghiện bắt buộc. Xét thấy mục đích của hôn nhân và gia đình là sự gắn kết bằng tình yêu thương, sự quan tâm, chăm sóc, tôn trọng và tin tưởng nhau, trong khi đó hôn nhân của chị L và anh A không có hạnh phúc, không có sự quan tâm, chăm sóc, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình đã vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng và thực tế đã sống ly thân. Do vậy, căn cứ Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp thuận cho chị L được ly hôn với anh A.

2.3. Về con chung: Chị L yêu cầu được nuôi con, cháu K có nguyện vọng được sống cùng chị L, anh A đồng ý giao con cho chị L nuôi dưỡng, do vậy cần tiếp tục giao cháu K cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Do chị L không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.4. Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: không có nên không đề cập.

[3] ***Về án phí sơ thẩm***: Chị Trần Thị L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc "Ly hôn".

Xét đề nghị nêu trên của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom thì thấy phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 238; Điều 266, Điều

271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84; Điều 119 ; Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị L;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L được ly hôn với anh Võ Nguyễn Thế A.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng 01 con chung là: cháu Võ Anh K, sinh ngày 21/8/2010

Tạm thời chị Trần Thị L không yêu cầu anh Võ Nguyễn Thế A phải cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được cản trở quyền thăm nom con chung của anh Võ Nguyễn Thế A. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom theo Biên lai thu số 001331 ngày 19/02/2019. Như vậy chị L đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân

4. Chị Trần Thị L có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Võ Nguyễn Thế A có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát huyện Trảng Bom;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Thị Quyên